

Bảng 01
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ TÀI CHÍNH NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số /STC-VP ngày /11/2023 của Sở Tài chính)

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	13			
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính năm	2.5			
1.1.1	Kế hoạch đảm bảo quy định về thời gian, chất lượng	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
1.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1.5			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1.5</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: (b/a)*1.5. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đã đề ra trong Kế hoạch b là tổng số nhiệm vụ đã thực hiện so với kế hoạch</i>				
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính	2			
1.2.1	Báo cáo định kỳ về CCHC: (báo cáo quý 1 chậm nhất ngày 15/3; báo cáo 6 tháng chậm nhất ngày 15/6; báo cáo quý 3 chậm nhất ngày 15/9; báo cáo năm chậm nhất ngày 20/11 hàng năm)	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: (b/a)*1. Trong đó: a là tổng số báo cáo định kỳ theo quy định b là tổng báo cáo đã thực hiện</i>				
1.2.2	Báo cáo đột xuất về CCHC: (bao gồm báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc phục vụ cho việc tổng hợp, thu thập thông tin, số liệu, lấy ý kiến đóng góp... phục vụ cho công tác CCHC)	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: (b/a)*1. Trong đó: a là tổng số báo cáo đột xuất theo quy định b là tổng báo cáo đã thực hiện</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1.3	Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính	2			
1.3.1	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (Báo in, Báo mạng, Pano, áp phích, loa truyền thanh...): 1</i>	1			
1.3.2	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác (Hội nghị cơ quan, sinh hoạt chuyên đề, hội nghị tọa đàm...): 1</i>	1			
1.4	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	5			
1.4.1	Sáng kiến trong CCHC (có sáng kiến hoặc giải pháp mới lần đầu tiên được áp dụng mang lại lợi ích thiết thực cho tổ chức và công dân)	1.5			
	<i>Có sáng kiến hoặc giải pháp mới trong năm: 1.5</i>				
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới trong năm: 0</i>				
1.4.2	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua - khen thưởng	1.5			
	<i>Có thực hiện: 1.5</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
1.4.3	Tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm trong công tác CCHC	2			
	<i>Có thực hiện: 2</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
1.5	Thực hiện nhiệm vụ do cơ quan Trung ương và tỉnh giao	1.5			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1,5 + (c/a)*1$, Trong đó: <i>a là tổng số nhiệm vụ được giao.</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ.</i> <i>c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.</i> Nếu a = 0 thì đạt điểm tối đa				
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	12			
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở	2.5			
2.1.1	Tham mưu, đề xuất xây dựng, ban hành văn bản QPPL hàng năm đúng thẩm quyền, có chất lượng và đảm bảo trình tự theo quy định của pháp luật	1.5			
	<i>Đảm bảo 100% theo yêu cầu: 1.5</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Từ 70% đến dưới 100% theo yêu cầu: 1</i>				
	<i>Từ 50% đến dưới 70% theo yêu cầu: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% theo yêu cầu: 0</i>				
2.1.2	Lập danh mục, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL quy định chi tiết Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTWQH, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước	1			
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>				
2.2	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3			
2.2.1	Thực hiện chế độ báo cáo kết quả rà soát thường xuyên VBQPPL	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn gửi báo cáo: 0</i>				
2.2.2	Tổ chức thực hiện và rà soát VBQPPL chuyên đề theo hướng dẫn của Bộ, ngành hoặc Sở Tư pháp	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định về nội dung và thời gian hoàn thành: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định về nội dung hoặc thời gian: 0</i>				
2.2.3	Xử lý kết quả rà soát	1			
	<i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Dưới 80% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
2.3	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	3			
2.3.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, xử lý VBQPPL	1.5			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1.5</i>				
	<i>Hoàn thành 80% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành 65% - dưới 80% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 65% kế hoạch: 0</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
2.3.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1.5			
	<i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Từ 65% - dưới 80% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>				
	<i>Dưới 65% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật	3.5			
2.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>				
2.4.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1			
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng nội dung và thời gian quy định: 1</i>				
	<i>Báo cáo không đầy đủ, không đúng nội dung hoặc thời gian quy định: 0</i>				
2.4.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1.5			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Từ 65% - dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Dưới 65% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12			
3.1	Xây dựng và triển khai các nội dung về công tác kiểm soát TTHC theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	3.5			
3.1.1	Ban hành các Kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện tại đơn vị theo quy định	0.5			
	<i>Ban hành đầy đủ, đúng quy định: 0,5</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Có ban hành nhưng không đúng quy định (thời gian hoặc nội dung): 0,25</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
3.1.2	Kết quả thực hiện	1			
	<i>Hoàn thành 100% nội dung theo yêu cầu: 0,5</i>				
	<i>Có văn bản báo cáo kết quả thực hiện theo quy định: 0,5</i>				
	Các trường hợp khác tính theo công thức: $(b/a)*0,5 + (c/a)*0,5$. Trong đó: <i>a là tổng số nhiệm vụ, báo cáo phải thực hiện.</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành.</i> <i>c là số báo cáo thực hiện.</i>				
3.1.3	Kết quả về cải cách TTHC	1			
	<i>Có kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC: 0.5</i>				
	<i>Có kiến nghị cải cách TTHC: 0.5</i>				
3.1.4	Xây dựng Bộ TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước theo chức năng quản lý ngành	1			
	<i>Có xây dựng: 1</i>				
	<i>Không xây dựng: 0</i>				
3.2	Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC và danh mục TTHC theo quy định	1.5			
	<i>100% TTHC và danh mục TTHC được công bố đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1.5</i>				
	Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: $(b/a)*1,5 + (c/a)*1,0$, Trong đó: <i>a là tổng số Quyết định phải công bố</i> <i>b là số Quyết định công bố</i> <i>c là số Quyết định công bố chậm, phải chỉnh sửa nội dung.</i> Nếu a = 0 thì đạt điểm tối đa				
3.3	Công khai thủ tục hành chính	2			

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
3.3.1	Niêm yết công khai TTHC theo quy định của Chính phủ và của tỉnh tại Trung tâm HHC tỉnh	0.5			
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>				
3.3.2	Cập nhật, công khai TTHC trên Cổng Thông tin dịch vụ công của tỉnh (quy trình nội bộ, quy trình điện tử, phí, lệ phí...)	1.5			
	<i>100% TTHC theo chức năng quản lý được cập nhật, công khai cập nhật đúng quy định (quy trình nội bộ, quy trình điện tử, phí, lệ phí): 1,5</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: (b/a)*1,5 + (c/a)*1,0, Trong đó: a là tổng số TTHC phải công khai, cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử. b là số TTHC công bố công khai, cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử. c là số TTHC công khai chậm, không đảm bảo nội dung theo quy định Nếu a = 0 thì đạt điểm tối đa</i>				
3.4	Cung cấp, tích hợp, đồng bộ, tích hợp DVC TT trên Cổng DVC Quốc gia	3			
3.4.1	100% DVC TT theo QĐ công bố được đồng bộ, tích hợp trên Cổng DVC Quốc gia: 1	1			
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: (b/a)*1, Trong đó: a là tổng số DVC TT theo Quyết định công bố phải cung cấp, tích hợp. b là tổng số DVC TT đã thực hiện công bố cung cấp, tích hợp.</i>				
3.4.2	Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình DVC trực tuyến cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	1.5			
	<i>100% DVC trực tuyến được rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình theo quy định: 1.5</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: (b/a)*1,5. Trong đó: a là tổng số DVC TT phải thực hiện rà soát, đánh giá tái cấu trúc. b là tổng số DVC TT đã thực hiện rà soát, đánh giá tái cấu trúc</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
3.4.3	Đơn giản hóa tái cấu trúc quy trình thực hiện sau rà soát, đánh giá: 0.5	0.5			
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở	1.5			
3.5.1	Tổ chức thực hiện kênh tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	0.5			
	<i>Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của tỉnh và Chính phủ: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ theo quy định của tỉnh và Chính phủ: 0</i>				
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	1			
	<i>100% PAKN được giải quyết đúng quy định: 1</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)* 0.5$ Trong đó: a là tổng số PAKN phải giải quyết. b là tổng số PAKN giải quyết đúng hạn. c là tổng số PAKN giải quyết quá hạn.</i>				
3.6	Chế độ báo cáo, thống kê về công tác cải cách TTHC	0.5			
	<i>Đúng thời gian, đầy đủ nội dung, số liệu theo yêu cầu: 0.5</i>				
	<i>Không đúng thời gian, không đầy đủ nội dung, số liệu theo yêu cầu: 0</i>				
IV	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH	12			
4.1	Tỷ lệ TTHC đã công bố được giải quyết tại Trung tâm HCC tỉnh	1			
	<i>100% TTHC đã công bố được giải quyết tại Trung tâm HCC tỉnh: 1</i>				
	<i>Từ 90% - dưới 100% TTHC đã công bố được giải quyết tại Trung tâm HCC tỉnh: 0,5</i>				
	<i>Dưới 90% TTHC đã công bố được giải quyết tại Trung tâm HCC tỉnh: 0</i>				
4.2	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	1			
	<i>Từ 4 TTHC hoặc nhóm 2 nhóm TTHC trở lên: 1</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Đạt dưới 4 TTHC hoặc 2 nhóm TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC thực hiện)x(điểm tối đa)/số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC theo quy định</i>				
4.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	1			
	<i>Từ 3 TTHC hoặc nhóm 2 nhóm TTHC trở lên: 1</i>				
	<i>Đạt dưới 3 TTHC hoặc 2 nhóm TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC thực hiện)x(điểm tối đa)/số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC theo quy định</i>				
4.4	Tỷ lệ hồ sơ thực hiện tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu, trả kết quả (5 tại chỗ) so với tổng số hồ sơ tiếp nhận đối với TTHC triển khai theo cơ chế “5 tại chỗ”	1			
	<i>Đạt tỷ lệ 100%: 1</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: (b/a)*1. Trong đó: a là tổng số hồ sơ phát sinh của TTHC triển khai. b là tổng số hồ sơ giải quyết theo cơ chế “5 tại chỗ”</i>				
4.5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	4			
4.5.1	<i>100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng và trước hạn: 3</i>	3			
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức:(b/a)*3. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết b là tổng số hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn.</i>				
4.5.2	<i>100% hồ sơ đang giải quyết nhưng trong thời hạn xử lý: 1</i>	1			
4.6	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của công chức tại Trung tâm HCC tỉnh	2			
	<i>100% người dân, tổ chức hài lòng: 2</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: (a x 2)/100%. Trong đó: - a: Tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức</i>				
4.7	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn	2			

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	trong giải quyết TTHC (có thư xin lỗi)				
	<i>100% hồ sơ trễ hạn thực hiện xin lỗi đúng quy định: 2</i>				
	<i>Nếu không đạt 100% tính điểm theo công thức: $(a \times 2)/100\%$. Trong đó: - a: Tỷ lệ thực hiện xin lỗi</i>				
V	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	10			
5.1	Thực hiện quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy	2			
5.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời đảm bảo đúng quy định của pháp luật: 1</i>				
	<i>Chưa thực hiện quy định chức năng, nhiệm vụ: 0 điểm</i>				
5.1.2	Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Chưa đúng quy định: 0</i>				
5.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở	2			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
5.3	Thực hiện các quy định về sử dụng biên chế hành chính	2			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính chế được giao: 2</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>				
5.4	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, ngành	2			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 2</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>				
5.5	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	2			

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
VI	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	15			
6.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2			
6.1.1	Thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0,5</i>				
	<i>Chưa thực hiện:0</i>				
6.1.2	Thực hiện cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0,5</i>				
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>				
6.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	3			
6.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	1.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1.5</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
6.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	1.5			
	<i>Thực hiện đúng quy định:1.5</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
6.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức	2			
6.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
6.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
6.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở, cấp phòng	2			
6.4.1	100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm theo đúng quy định: 1	1			
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm theo đúng quy định: 0</i>				
6.4.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức	1			
6.5	Đánh giá phân loại công chức, viên chức	3			
6.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	1			
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
6.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC	2			
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1</i>				
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (bao gồm cả cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc): 1</i>				
6.6	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	3			
6.6.1	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hàng năm	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
6.6.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>				
6.6.3	Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1			
	<i>Đảm bảo chất lượng: 1</i>				
	<i>Không đảm bảo chất lượng: 0</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
VII	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	11			
7.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	2			
	<i>Thực hiện đầy đủ kịp thời đúng quy định: 2</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ kịp thời đúng quy định: 0</i>				
7.2	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	3			
7.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính	1.5			
	<i>100% số đơn vị triển khai thực hiện: 1.5</i>				
	<i>Từ 70% đến dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện: 0.5</i>				
	<i>Dưới 70% số đơn vị triển khai thực hiện: 0</i>				
7.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập (đã triển khai cơ chế tự chủ tài chính) thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	1.5			
	<i>100% đơn vị thực hiện đúng quy định: 1.5</i>				
	<i>Từ 70% đến dưới 100% đơn vị thực hiện đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Dưới 70% đơn vị thực hiện đúng quy định: 0</i>				
7.3	Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo quy định trong năm	1			
	<i>Chi tăng thu nhập hoặc phúc lợi cho CBCCVC: 1</i>				
	<i>Không tăng thu nhập hoặc phúc lợi cho CBCCVC: 0</i>				
7.4	Thực hiện chế độ báo cáo công tác tài chính	2			
7.4.1	Thực hiện báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công của năm trước (đơn vị báo cáo Sở Tài chính) chậm nhất ngày 28/02 năm sau (năm đánh giá)	1			
	<i>Đúng thời gian quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng thời gian quy định: 0</i>				
7.4.2	Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số	1			

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập của năm trước (đơn vị báo cáo Sở Tài chính) chậm nhất ngày 20/02 năm sau (năm đánh giá)				
	<i>Đúng thời gian quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng thời gian quy định: 0</i>				
7.5	Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công	3			
7.5.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị	1			
	<i>Đã ban hành đầy đủ theo quy định: 1</i>				
	<i>Có ban hành nhưng chưa đầy đủ theo quy định: 0,5</i>				
	<i>Chưa ban hành văn bản nào: 0</i>				
7.5.2	Thực hiện công khai tài sản công (công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, cho thuê tài sản công; tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy tài sản công...)	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ đúng quy định: 0</i>				
7.5.3	Lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được giao quản lý, sử dụng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	1			
	<i>Đã được phê duyệt 100%: 1</i>				
	<i>Đã được phê duyệt từ 70% - dưới 100%: 0,5</i>				
	<i>Đã được phê duyệt dưới 70%: 0</i>				
VIII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	15			
8.1	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	5.5			
8.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT của sở, ngành	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>				

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>				
8.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1			
	<i>Được tính theo công thức: $(b/a)*1.00$. Trong đó: a là tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) b là số văn bản đi được gửi dưới dạng điện tử</i>				
8.1.3	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	1.5			
	<i>Tính theo công thức: $(b/a)*1.5$ a là Tổng số văn bản đi b là Tổng số văn bản đi có ký số từ HSCV.</i>				
8.1.4	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	2			
	<i>Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định của Chính phủ: 1</i>				
	<i>Chưa cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định của Chính phủ: 0</i>				
	<i>Thường xuyên đăng tải tin bài trong lĩnh vực sở, ban, ngành phụ trách: 1</i>				
8.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	5.5			
8.2.1	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	2			
	<i>Từ 50% số TTHC trở lên thì đánh giá là: 2</i>				
	<i>Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số TTHC cung cấp DVCTT*2.00/50)</i>				
8.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến	2			
	<i>Từ 85% số hồ sơ TTHC trở lên thì đánh giá là: 2</i>				
	<i>Dưới 85% số hồ sơ TTHC thì đánh giá theo công thức: (Tỷ lệ % số hồ sơ * 2.00/ 85)</i>				
8.2.3	Tỷ lệ DVC cung cấp toàn trình	1.5			
	<i>Tính theo công thức $a/b *1.50$. Trong đó: a là số DVC được xác định là toàn trình b tổng số DVC trực tuyến của cơ quan, đơn vị</i>				
8.3	Thanh toán trực tuyến	2			

TT	Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm do Hội đồng đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<p>Điểm đạt được của TCTP này là tổng điểm đạt được của ba nội dung (1), (2), (3), cụ thể như sau:</p> <p>(1) Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a)*0.50$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</p> <p>(2) Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a)*0.50$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</p> <p>(3) Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 1.0 Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1.0$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</p>				
8.4	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	1			
	Số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết theo Nghị định 107 Đạt 100% hồ sơ được số hóa kết quả giải quyết: 1 Đạt dưới 100% số hóa kết quả giải quyết TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: Tỷ lệ % kết quả TTHC được số hóa X 1/100%				
8.5	Trả kết quả điện tử	1			
	Đạt 100% số hồ sơ trả kết quả điện tử: 1 Đạt dưới 100% số hồ sơ trả kết quả điện tử thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % kết quả trả điện tử x 1) / 100%				
	Tổng điểm	100			